

CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01
đến ngày 30 tháng 06 năm 2014**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Trương Minh Long	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NAM TIẾN



RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 15.142/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 28 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TÀNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		148.251.092.817	137.753.110.855
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	25.807.805.431	41.991.445.008
1. Tiền	111		16.224.920.633	31.116.599.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.582.884.798	10.874.845.649
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	115.700.516.344	91.788.432.504
1. Phải thu khách hàng	131		85.847.882.431	65.530.621.340
2. Trả trước cho người bán	132		23.240.085.302	19.932.656.889
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		8.966.026.842	8.678.632.506
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.353.478.231)	(2.353.478.231)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.742.771.042	3.973.233.343
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.805.072.292	168.375.802
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	4.937.698.750	3.804.857.541

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.533.973.788	62.926.531.614
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		9.911.995.166	11.359.854.433
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	9.911.995.166	11.359.854.433
+ Nguyên giá	222		31.106.808.700	31.046.448.700
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.194.813.534)	(19.686.594.267)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.5)	50.933.010.802	50.933.010.802
1. Đầu tư vào công ty con	251		526.750.000	526.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		49.680.110.802	49.680.110.802
3. Đầu tư dài hạn khác	258		726.150.000	726.150.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		688.967.820	633.666.379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		243.423.820	195.522.379
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		445.544.000	438.144.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		209.785.066.605	200.679.642.469

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		76.990.377.505	63.961.234.690
I. Nợ ngắn hạn	310		76.856.601.505	63.724.468.330
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	42.326.005.560	34.270.191.558
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	17.457.817.848	11.393.171.444
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	3.632.327.985	2.535.325.609
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	1.000.000.000	7.517.966.925
6. Chi phí phải trả	316		4.881.567.364	4.185.652.107
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.9)	2.258.587.045	1.795.214.984
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.10)	5.300.295.703	2.026.945.703
II. Nợ dài hạn	330		133.776.000	236.766.360
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		133.776.000	236.766.360
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132.794.689.100	136.718.407.779
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.11.1)	132.794.689.100	136.718.407.779
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.000.000.000	5.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.11.3)	31.844.689.100	36.768.407.779
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		209.785.066.605	200.679.642.469

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

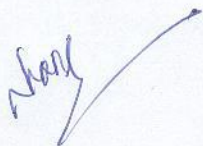
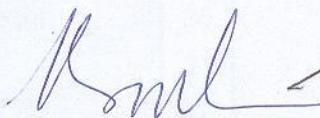
Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		754.213,61	1.289.801,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****LÊ THỊ THANH THANH****TRẦN THỊ BÌNH****NGUYỄN NAM TIẾN**

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		308.433.742.335	251.718.148.999
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	308.433.742.335	251.718.148.999
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	293.540.477.594	238.922.325.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.893.264.741	12.795.823.049
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	9.768.697.407	11.066.380.558
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	5.594.094.373	4.992.164.144
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	5.419.970.747	5.240.537.173
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.647.897.028	13.629.502.290
11. Thu nhập khác	31			454.545.455
12. Chi phí khác	32		31.243.364	169.694.437
13. Lợi nhuận khác	40		(31.243.364)	284.851.018
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.616.653.664	13.914.353.308
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.773.372.343	1.816.107.802
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.843.281.321	12.098.245.506

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THANH THANH

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.616.653.664	13.914.353.308
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.508.219.267	1.501.791.157
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.944.694.624)	(7.473.926.314)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.180.178.307	7.942.218.151
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.913.447.049)	(16.307.166.767)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.038.199.199	(176.532.277)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.684.597.931)	(2.447.495.830)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.505.434.732)	(1.313.340.362)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		215.000.000	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(343.993.995)	(736.262.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.014.096.201)	(13.038.579.085)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(60.360.000)	(14.272.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			454.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			620.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(4.899.983.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.944.694.624	6.273.507.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.884.334.624	2.433.796.524

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.053.878.000)	(7.149.446.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.053.878.000)	(7.149.446.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.183.639.577)	(17.754.228.561)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		41.991.445.008	52.804.286.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		25.807.805.431	35.050.057.919

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ THANH THANH

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Góm Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là **346** người (31/12/2013: 342 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;

2. NĂM TÀI CHÍNH , ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

- Công ty hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí thuê đất và phí thuê văn phòng và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

+ Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là **20%** đối với hoạt động kinh doanh chính.

- *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|-----|
| + Cước vận tải quốc tế | 0% |
| + Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức | 10% |

- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả ngắn hạn khác và phải trả dài hạn khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.647.954.567	2.500.179.294
Tiền gửi ngân hàng	14.576.966.066	28.616.420.065
Các khoản tương đương tiền	9.582.884.798	10.874.845.649
Tổng cộng	25.807.805.431	41.991.445.008

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	85.847.882.431	65.530.621.340
Trả trước cho người bán	23.240.085.302	19.932.656.889
Các khoản phải thu khác	8.966.026.842	8.678.632.506
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	118.053.994.575	94.141.910.735
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.353.478.231)	(2.353.478.231)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	115.700.516.344	91.788.432.504

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, phải thu bên liên quan với số tiền là 585.845.085 đồng (31/12/2013: 501.937.207 đồng) - Xem thêm mục 7.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là 3 khoản ứng trước sau:

- Khoản chi hộ đại lý nước ngoài với số tiền là 10.753.593.148 đồng.
- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.352.207 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Xem thêm mục 7	1.320.000.000	966.122.000
Khác	249.670.762	316.154.426
Cộng	8.966.026.842	8.678.632.506

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của nhân viên phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

					VND
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.052.973.806	1.668.890.673	20.513.703.884	810.880.337	31.046.448.700
Mua trong kỳ	-	-	-	60.360.000	60.360.000
Số dư cuối kỳ	8.052.973.806	1.668.890.673	20.513.703.884	871.240.337	31.106.808.700
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.347.612.106	902.011.451	11.884.318.153	552.652.557	19.686.594.267
Khấu hao trong kỳ	307.506.804	101.727.864	1.000.820.652	98.163.947	1.508.219.267
Số dư cuối kỳ	6.655.118.910	1.003.739.315	12.885.138.805	650.816.504	21.194.813.534
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.705.361.700	766.879.222	8.629.385.731	258.227.780	11.359.854.433
Tại ngày cuối kỳ	1.397.854.896	665.151.358	7.628.565.079	220.423.833	9.911.995.166

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.865.086.276 đồng.

5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

		VND
	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	526.750.000	526.750.000
Đầu tư vào công ty liên kết	35.812.589.000	35.812.589.000
Đầu tư vào công ty liên doanh	13.867.521.802	13.867.521.802
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	50.933.010.802	50.933.010.802
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	50.933.010.802	50.933.010.802

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics)	1.320.000	13.200.000.000	1.320.000	13.200.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	439.200	4.392.000.000
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	1.822.059	18.220.589.000	1.822.059	18.220.589.000
Tổng cộng		35.812.589.000		35.812.589.000

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	9,15%	4.908.430.302
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	51%	3.680.051.500
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49%	3.148.740.000	49%	3.148.740.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	2.130.300.000	45%	2.130.300.000
Tổng cộng		13.867.521.802		13.867.521.802

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	726.150.000	9,81%	726.150.000
Tổng cộng		726.150.000		726.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**VND**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	42.326.005.560	34.270.191.558
Người mua trả tiền trước	<u>17.457.817.848</u>	<u>11.393.171.444</u>
Tổng cộng	<u>59.783.823.408</u>	<u>45.663.363.002</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**VND**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	716.099.485	615.365.730
Thuế thu nhập doanh nghiệp	933.248.559	1.665.310.948
Thuế thu nhập cá nhân	86.929.798	94.826.544
Tiền thuê đất	1.767.709.700	-
Các loại thuế khác	<u>128.340.443</u>	<u>159.822.387</u>
Tổng cộng	<u>3.632.327.985</u>	<u>2.535.325.609</u>

5.8. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả.

5.9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**VND**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hoa hồng	1.605.944.030	1.548.772.808
Lương chưa chi	198.141.809	199.208.299
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>454.501.206</u>	<u>47.233.877</u>
Tổng cộng	<u>2.258.587.045</u>	<u>1.795.214.984</u>

5.10. Quỹ khen thưởng phúc lợi**VND**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.026.945.703	2.580.538.623
Trích lập trong kỳ	4.067.000.000	2.729.408.000
Sử dụng trong kỳ	<u>(793.650.000)</u>	<u>(710.262.000)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>5.300.295.703</u>	<u>4.599.684.623</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.11. Vốn chủ sở hữu**5.11.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	4.950.000.000	4.000.000.000	34.713.256.681	133.663.256.681
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	23.362.463.950	23.362.463.950
Chia cổ tức	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Tăng khác	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	(7.807.312.852)	(7.807.312.852)
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	4.950.000.000	5.000.000.000	36.768.407.779	136.718.407.779
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	11.843.281.321	11.843.281.321
Chia cổ tức	-	-	-	(11.700.000.000)	(11.700.000.000)
Tăng khác	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	(5.067.000.000)	(5.067.000.000)
Số dư cuối kỳ	90.000.000.000	4.950.000.000	6.000.000.000	31.844.689.100	132.794.689.100

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.11.2. Cổ phần**VND**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.11.3. Phân phối lợi nhuận**VND**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	36.768.407.779	34.713.256.681
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	11.843.281.321	12.098.245.506
Chia cổ tức	(11.700.000.000)	(7.200.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.600.000.000)	(2.313.929.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Khen thưởng Ban điều hành	<u>(467.000.000)</u>	<u>(415.479.000)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	<u>31.844.689.100</u>	<u>35.882.094.187</u>

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****VND**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu phòng hàng không	67.218.463.726	65.327.835.638
Doanh thu phòng đường biển	41.206.876.240	47.056.457.547
Doanh thu phòng logistics	26.297.781.940	27.660.458.812
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	148.766.724.767	90.768.678.797
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	<u>24.943.895.662</u>	<u>20.904.718.205</u>
Doanh thu thuần	<u>308.433.742.335</u>	<u>251.718.148.999</u>

6.2. Giá vốn hàng bán**VND**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn phòng hàng không	63.473.389.728	61.446.315.275
Giá vốn phòng đường biển	36.767.546.577	44.176.747.469
Giá vốn phòng logistics	22.875.520.751	24.448.573.883
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	146.242.920.045	88.289.111.908
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	<u>24.181.100.493</u>	<u>20.561.577.415</u>
Tổng cộng	<u>293.540.477.594</u>	<u>238.922.325.950</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**VND**

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.781.774.293	7.014.200.430
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.824.002.783	3.846.167.477
Lãi tiền gửi	162.920.331	174.874.866
Khác	<u>-</u>	<u>31.137.785</u>
Tổng cộng	<u>9.768.697.407</u>	<u>11.066.380.558</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	2.927.176.059	2.241.630.910
Chi phí vật liệu	299.893.186	265.134.660
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.688.727	113.001.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.108.521	188.150.186
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.403.050.208	1.853.131.567
Chi phí quản lý khác	528.054.046	575.488.800
Tổng cộng	5.419.970.747	5.240.537.173

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	18.406.634.837	18.119.435.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.508.219.267	1.501.791.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.966.779.820	205.288.508.293
Chi phí khác bằng tiền	57.704.152.154	19.253.127.892
Tổng cộng	304.585.786.078	244.162.863.123

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên sau đây được xem là có liên quan với Công ty:

<u>Tên các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
8. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
9. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân viên quản lý chủ chốt

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.2	585.845.085	501.937.207
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.2	1.320.000.000	966.122.000

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Góp vốn	-	4.899.983.500
Cung cấp dịch vụ	1.035.949.155	982.305.849
Sử dụng dịch vụ	1.446.073.494	2.712.766.185

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	271.500.000	146.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.244.885.808	1.124.740.400
Tổng cộng	1.516.385.808	1.270.740.400

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.807.805.431	41.991.445.008
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.814.404.200	64.143.265.109
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	445.544.000	438.144.000
Tổng cộng	111.793.903.631	107.299.004.117
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	43.931.949.590	34.270.191.558
Chi phí phải trả	4.881.567.364	4.185.652.107
Phải trả dài hạn khác	133.776.000	236.766.360
Tổng cộng	48.947.292.954	38.692.610.025

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

- Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	208.744,04	-	1.543.656,07	1.648.568,38

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

VND			
30/06/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	43.931.949.590	-	43.931.949.590
Chi phí phải trả	4.881.567.364	-	4.881.567.364
Phải trả dài hạn khác	-	133.776.000	133.776.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	34.270.191.558	-	34.270.191.558
Chi phí phải trả	4.185.652.107	-	4.185.652.107
Phải trả dài hạn khác	-	236.766.360	236.766.360

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

VND

30/06/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.814.404.200	-	84.814.404.200
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	445.544.000	445.544.000

01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.143.265.109	-	64.143.265.109
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	438.144.000	438.144.000

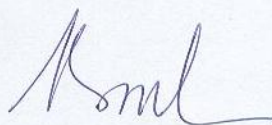
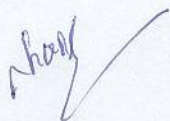
9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 08 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****LÊ THỊ THANH THANH****TRẦN THỊ BÌNH****NGUYỄN NAM TIẾN**